

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước**  
*To: - State Securities Commission of Vietnam*

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>1. <b>Tên Công ty quản lý quỹ:</b><br/><i>Fund Management Company:</i></p> <p>2. <b>Tên Ngân hàng giám sát:</b><br/><i>Supervising bank:</i></p> <p>3. <b>Tên Quỹ:</b><br/><i>Fund name:</i></p> <p>4. <b>Kỳ báo cáo:</b><br/><i>Reporting Period:</i></p> <p>5. <b>Ngày lập báo cáo:</b><br/><i>Reporting Date:</i></p> | <p><b>Công ty cổ phần Quản lý Quỹ HD</b><br/> <i>HD Fund Management Joint Stock Company</i></p> <p><b>Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa</b><br/> <i>Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch</i></p> <p><b>Quỹ Đầu tư cổ phiếu Tăng trưởng Rồng Vàng</b><br/> <i>Golden Dragon Equity Growth Fund</i></p> <p><b>Từ 08/09/2026 đến 14/09/2026</b><br/> <i>From 08-Sep-2026 to 14-Sep-2026</i></p> <p><b>15/09/2026</b><br/> <i>15-Sep-2026</i></p> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Đơn vị tính: VND  
Unit: VND

**Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần/Weekly report on change of net asset value**

| STT<br>NO | CHỈ TIÊU<br>CRITERIA                                                                                                                                                               | KỲ BÁO CÁO NÀY<br>THIS PERIOD<br>14/09/2026 | KỲ BÁO CÁO TRƯỚC<br>LAST PERIOD<br>07/09/2026 |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| <b>1</b>  | <b>Giá trị tài sản ròng (NAV)</b><br><i>Net Asset Value</i>                                                                                                                        |                                             |                                               |
| <b>1</b>  | <b>Giá trị tài sản ròng đầu kỳ</b><br><i>Net Asset Value at the beginning of period</i>                                                                                            |                                             |                                               |
| 1.1       | <i>của quỹ/per Fund</i>                                                                                                                                                            | 43,758,003,956                              | 44,690,736,628                                |
| 1.2       | <i>của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate</i>                                                                                                                                  | 8,425.44                                    | 8,604.87                                      |
| <b>2</b>  | <b>Giá trị tài sản ròng cuối kỳ</b><br><i>Net Asset Value at the end of period</i>                                                                                                 |                                             |                                               |
| 2.1       | <i>của quỹ/per Fund</i>                                                                                                                                                            | 42,774,474,431                              | 43,758,003,956                                |
| 2.2       | <i>của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate</i>                                                                                                                                  | 8,231.55                                    | 8,425.44                                      |
| <b>3</b>  | <b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó:</b><br><i>Change of NAV during period, in which:</i>                                                                          |                                             |                                               |
| 3.1       | <i>Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ</i><br><i>Change of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period</i>  | (1,007,514,860)                             | (931,914,607)                                 |
| 3.2       | <i>Thay đổi giá trị tài sản ròng liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ</i><br><i>Change of NAV related to investors during the period</i>                                              | 23,985,335                                  | (818,065)                                     |
| 3.2.1     | <i>Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ</i><br><i>Change of NAV due to profit distribution to investors during the period</i>                   | -                                           | -                                             |
| 3.2.2     | <i>Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</i><br><i>Change of NAV due to subscription, redemption during the period</i>                                                 | 23,985,335                                  | (818,065)                                     |
| <b>4</b>  | <b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ so với kỳ trước</b><br><i>Change of NAV per Fund certificate during period in comparison with the last period</i> | - 193.89                                    | - 179.43                                      |
| <b>5</b>  | <b>Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b><br><i>Highest/Lowest NAV within the latest 52 weeks</i>                                                 |                                             |                                               |
| 5.1       | <i>Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)</i>                                                                                                                                  | 51,122,766,302                              | 51,122,766,302                                |
| 5.2       | <i>Giá trị thấp nhất (VND)/Lowest value (VND)</i>                                                                                                                                  | 40,742,081,797                              | 40,742,081,797                                |
| <b>6</b>  | <b>Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết)</b><br><i>Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable for listed fund)</i>                                  |                                             |                                               |
| 6.1       | <i>Số lượng chứng chỉ quỹ/Number of Fund Certificates</i>                                                                                                                          | -                                           | -                                             |
| 6.2       | <i>Tổng giá trị/Total value</i>                                                                                                                                                    | -                                           | -                                             |
| 6.3       | <i>Tỷ lệ sở hữu/Ownership Ratio</i>                                                                                                                                                | 0.00%                                       | 0.00%                                         |

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
*Authorised Representative of Supervisory Bank*

**Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ**  
*Authorised Representative of Fund Management Company*

**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN**  
**CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa**  
**Nguyễn Thị Minh Châu**  
**Phó Giám đốc Chi nhánh**

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD**  
**Nguyễn Thành Long**  
**Tổng Giám Đốc**